

Bản tin chứng khoán

Trong số này

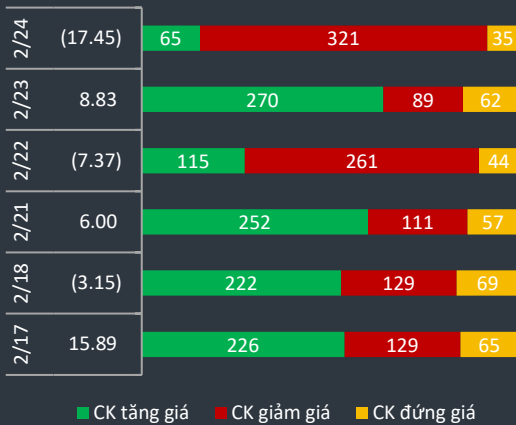
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

KDC	173.90
DGC	79.55
GEX	66.98
KBC	66.47
DXG	60.44
HAH	30.53
DCM	30.15
PLX	(38.71)
E1VFN30	(42.77)
MBB	(42.99)
GAS	(54.31)
CTG	(65.30)
HDB	(226.77)

Chiến sự đã chính thức nổ ra trong buổi sáng nay và ngay lập tức thị trường nhận bài test khả năng chịu đựng. Buổi sáng chỉ số Vnindex vẫn trụ khá vững nhưng áp lực bán đã mạnh nha mạnh dần gần giờ nghỉ trưa. Làn sóng bán mạnh chỉ bắt đầu tăng mạnh vào buổi chiều mà đỉnh điểm đề chỉ số Index mất gần 40 điểm. Nhóm bank rơi rất mạnh và duy nhất chỉ còn VPB, EIB giữ xanh. Các bank tầm trung và lớn như LPB, TPB, CTg, HDB, NVB, TCB, MSB, BID giảm trên -2%. Nhóm blue chip như VIC, VRE giảm gần -3% cuối phiên. Nhóm Vn30 có đến 25/30 mã giảm nhưng mức độ rơi ở mức trung bình. Giảm sâu nhất cũng chỉ quanh -2.5% đến -3%.

Lực mua bắt đáy gia tăng dần về cuối phiên và kéo thị trường chỉ còn mất 17 điểm khi đóng cửa nhưng tổng diện thị trường vẫn đỏ lửa với gần 400 mã giảm và chỉ có 75 mã tăng. Chỉ có 3 ngành đi ngược thị trường hôm nay là phân bón, dầu khí và bán lẻ. Còn lại nhóm bất động sản, thép, xây dựng, thủy sản giảm sâu nhất.

Nhóm phân bón duy trì đà tăng mạnh từ phiên chiều và đóng phiên với nhiều trụ tăng trần như DCM, PDM. Theo thống kê Tổng cục Hải quan, tổng giá trị phân bón xuất khẩu sơ bộ tháng 01/2022 của Việt nam đạt 171 triệu USD, tăng 349.5 % so với cùng kỳ. Đáng chú ý, ngay nửa đầu tháng 1, hơn 130 ngàn tấn phân ure đã được xuất khẩu sang Ấn Độ với tổng giá trị ước đạt 105 triệu USD. DPM là một trong số các doanh nghiệp trúng thầu xuất khẩu và có thể đạt lợi nhuận trên ngàn tỷ ngay trong Quý 1 năm nay.

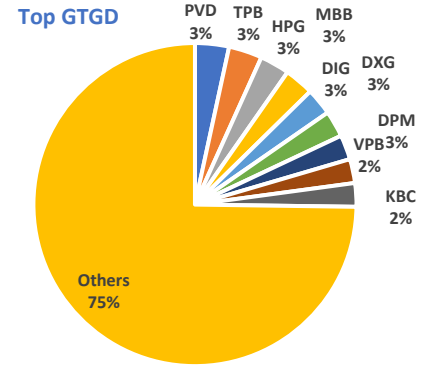
Cổ phiếu dầu khí tiếp tục duy trì đà tăng mạnh ở nhóm MTG, PVB, PCG, ASP, PVD, PVS, OIL với mức tăng trung bình trên 5% ... GAS, PLX cũng xanh nhẹ gần 2%. Dầu thô Brent lần đầu đạt mức cao 102,48 USD/thùng, cao nhất kể từ tháng 9 năm 2014, tăng 5,22 USD, tương đương 5,4%. Nga là nhà sản xuất dầu lớn thứ hai thế giới, chủ yếu bán dầu thô của mình cho các nhà máy lọc dầu ở châu Âu và là nhà cung cấp khí đốt tự nhiên lớn nhất cho châu Âu, cung cấp khoảng 35% nguồn cung của nước này. Tình hình chiến sự tại Ucraina leo thang sẽ càng làm giá dầu căng thẳng hơn trong những ngày tới.

Vnindex 1,494.85

▼ -17.45 (-1.15%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VPB	36.9	1,000	2.79
BVH	59.0	1,400	2.43
GAS	119.0	2,000	1.71
MSN	159.5	2,300	1.46
PLX	63.4	900	1.44
SAB	169.7	(100)	(0.06)
VIB	46.9	(50)	(0.11)
VJC	148.0	(200)	(0.13)
BCM	82.9	(300)	(0.36)
ACB	34.5	(150)	(0.43)
PNJ	109.0	(600)	(0.55)
MWG	136.8	(1,000)	(0.73)
VHM	78.6	(800)	(1.01)
MBB	34.0	(350)	(1.02)
FPT	92.0	(1,000)	(1.08)
REE	73.5	(1,000)	(1.34)
HPG	46.0	(700)	(1.50)
SSI	44.6	(700)	(1.55)
PDR	88.6	(1,400)	(1.56)
GVR	33.7	(550)	(1.61)
VNM	78.6	(1,400)	(1.75)
NVL	76.0	(1,400)	(1.81)
VCB	85.3	(1,600)	(1.84)
DHG	112.7	(2,300)	(2.00)
STB	32.9	(700)	(2.08)
BID	44.6	(1,000)	(2.19)
POW	17.8	(400)	(2.20)
HVN	25.7	(600)	(2.29)
TCB	50.5	(1,200)	(2.32)
VRE	34.0	(900)	(2.58)
CTG	33.9	(1,000)	(2.87)
HDB	28.8	(850)	(2.87)
VIC	80.1	(2,400)	(2.91)
TPB	41.3	(1,350)	(3.17)



Cú rung lắc của thị trường hôm nay khá mạnh nhưng kết phiên chỉ mất 17 điểm cho thấy dòng tiền đã tận dụng bất đáy khá mạnh tay hôm nay. Có vẻ như các sự kiện quan trọng như hôm nay lại là cơ hội tốt để nhà đầu tư có thể mua vào cổ phiếu giá rẻ. Điều quan trọng là nhà đầu tư không nên để margin quá cao và luôn sẵn sàng có thể giải ngân mạnh trong những phiên như hôm nay. Tình hình trong những ngày tới còn khá phức tạp và khả năng thị trường trong nước sẽ nương theo thị trường quốc tế vì vậy sẽ còn nhiều phiên co giạt trong ngắn hạn. Các nhóm ngành phân bón, dầu khí vẫn là tâm điểm chính trong giai đoạn hiện tại và nhà đầu tư ưu tiên nắm giữ nhiều hơn cổ phiếu của hai nhóm ngành này trong danh mục.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCM	67.0	(0.4)	60	100	Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100	2/18/2022	0.0%
KBC	57.1	(2.4)	50	70	Mua mới quanh 54-56. Mục tiêu 70	2/10/2022	2.0%
HPG	46.0	(1.1)	40	60	Mua mới quanh 45	2/8/2022	2.2%
FTS	57.9	9.5	50	60	Mua mới quanh 50-53. Mục tiêu 70	2/7/2022	11.3%
TNG	34.0	6.9	24	40	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 36	2/7/2022	17.2%
DPM	54.2	12.9	35	55	Mua mới quanh 40-42. Mục tiêu 50	2/7/2022	29.0%
VCI	60.5	2.4	50	75	Mua mới quanh 55-57. Mục tiêu 75	1/18/2022	4.3%
GVR	33.7	(0.9)	28	40	Mua mới quanh 30. Mục tiêu 45	1/20/2022	5.3%
REE	73.5	2.8	60	80	Mua mới quanh 62-64. Mục tiêu 80	1/20/2022	13.1%
NLG	52.4	(4.4)	24	35	Mua mới quanh 52, Cắt lỗ nếu dưới 50	1/20/2022	-1.1%
OCB	26.9	(1.6)	24	35	Mua mới quanh 26. mục tiêu 34	1/13/2022	0.0%
TCB	50.5	(3.3)	40	65	Mua mới quanh 50, mục tiêu 65	1/13/2022	1.0%
CTG	33.9	(3.0)	30	45	Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45	1/13/2022	-3.1%
STK	54.2	2.3	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	2.3%
VIB	46.9	0.1	40	60	Mua quanh 45-47. Mục tiêu 60	1/4/2022	-0.2%
MBB	34.0	2.4	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 35	1/4/2022	17.2%
MWG	136.8	1.7	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	1.3%

Tổng hợp kết quả kinh doanh 2021

	Số DN	Doanh thu 2020	Doanh thu 2021	%	Lợi nhuận 2020	Lợi nhuận 2021	%
Ngân hàng	26	278,567	347,222	24.6%	108,714	144,922	33.3%
Bất động sản	68	271,992	316,605	16.4%	49,219	54,326	10.4%
Sản xuất và KD Thép	26	239,810	365,704	52.5%	16,216	44,292	173.1%
Thực phẩm và đồ uống	70	306,480	332,060	8.3%	27,858	36,835	32.2%
Dầu khí	21	356,183	466,904	31.1%	7,258	20,104	177.0%
Dịch vụ tài chính	40	27,705	49,251	77.8%	6,935	18,146	161.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	87,120	96,633	10.9%	10,541	12,421	17.8%
Điện	40	122,826	110,322	-10.2%	12,113	11,965	-1.2%
Vận tải - Logistics	71	96,353	114,276	18.6%	6,115	10,663	74.4%
Bất động sản KCN	20	49,158	57,393	16.8%	9,717	9,982	2.7%
Xây dựng	107	163,622	172,977	5.7%	8,181	7,834	-4.2%
Bán lẻ	23	181,192	218,181	20.4%	4,598	7,610	65.5%
Phân bón	13	35,954	54,378	51.2%	30	5,755	19163.2%
Vật liệu xây dựng	41	54,972	61,527	11.9%	4,879	5,447	11.6%
Công nghệ Thông tin	19	40,575	46,168	13.8%	3,829	4,770	24.6%
Bảo hiểm	12	28,113	65,753	133.9%	3,746	4,724	26.1%
Hóa chất	24	48,335	69,236	43.2%	2,555	4,538	77.6%
Thủy sản	23	61,258	59,704	-2.5%	2,718	3,212	18.2%
Nước	46	21,813	22,068	1.2%	2,657	3,182	19.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	46,960	49,526	5.5%	2,817	3,006	6.7%
Dệt May	21	54,633	59,726	9.3%	1,886	2,980	58.0%
Y tế	34	52,586	46,379	-11.8%	2,675	2,786	4.1%
Khoáng sản	27	61,097	70,140	14.8%	1,116	2,106	88.7%
Tài nguyên Cơ bản	20	22,600	27,423	21.3%	264	1,432	441.5%
Cao su	11	4,515	5,661	25.4%	700	1,250	78.6%
Xây dựng và Vật liệu	54	31,919	29,112	-8.8%	144	1,168	711.6%
Ô tô và phụ tùng	11	41,225	39,233	-4.8%	1,011	1,026	1.6%
Truyền thông	27	7,744	7,983	3.1%	655	915	39.7%
Bao bì	17	20,917	28,091	34.3%	664	546	-17.8%
Viễn thông	5	34,144	33,946	-0.6%	1,937	436	-77.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	6	16,234	16,867	3.9%	(29)	230	-906.1%
Du lịch và Giải trí	28	17,337	14,552	-16.1%	22	(526)	-2494.6%
Tổng Cộng	1047	2,883,939	3,455,002	19.8%	301,739	428,084	41.9%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Phân bón	5.65
Dầu khí	4.56
Viễn thông	1.36
Bán lẻ	0.94
Bảo hiểm	0.54
Hóa chất	0.36
Bao bì	0.23
Khoáng sản (0.21)	
Điện (0.45)	
Bất động sản KCN (0.85)	
Nước (0.89)	
Tài nguyên Cơ bản (0.91)	
Thực phẩm và đồ (0.93)	
Công nghệ Thông tin (0.97)	
Y tế (1.09)	
Vận tải - Logistics (1.20)	
Hàng cá nhân & Gia (1.20)	
Đệt May (1.29)	
Cao su (1.49)	
Ngân hàng (1.58)	
Dịch vụ tài chính (1.62)	
Vật liệu xây dựng (1.63)	
Hàng & Dịch vụ (1.66)	
Truyền thông (2.02)	
Thủy sản (2.15)	
Xây dựng (2.22)	
Sản xuất và KD Thép (2.25)	
Ô tô và phụ tùng (3.52)	
Bất động sản (3.68)	
Du lịch và Giải trí (3.05)	

PGD - CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Năm 2022, Công ty đặt kế hoạch doanh thu 9.303,7 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 205,1 tỷ đồng, lần lượt tăng 3,4% và giảm 19,3% so với thực hiện trong năm 2020. Bên cạnh đó, Công ty cũng thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 18%.

NVL - CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va – Novaland - Ngày 22/2, HĐQT đã thông qua việc góp vốn 51 tỷ đồng thành lập Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Novaland Đất Tâm, tương ứng tỷ lệ sở hữu 51% Công ty mới.

HPG - CTCP Tập đoàn Hòa Phát - Đã thông qua quyết định góp thêm vào CTCP Phát triển Bất động sản Hòa Phát (Bất động sản Hòa Phát) 3.300 tỷ đồng. Nếu đợt góp vốn sắp tới diễn ra thuận lợi, Công ty này sẽ có vốn điều lệ 6.000 tỷ đồng, trong đó vốn góp của HPG đạt 5.998 tỷ đồng, tương ứng 99.97%.

BII - CTCP Louis Land - Công ty đã nhận được đơn xin từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT của ông Nguyễn Nguyên Quang. Được biết, ông Quang mới được bổ nhiệm chức Chủ tịch HĐQT công ty từ 4/11/2021. Như vậy, sau hơn 3 tháng đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT, ông Quang bắt đầu xin từ nhiệm.

HUT – CTCP Tasco – Đã thông qua kế hoạch tăng vốn để hoán đổi 100% phần vốn góp tại Công ty TNHH SVC Holdings, sẽ trình đại hội cổ đông phương án chi tiết để thông qua chậm nhất trong tháng 4.

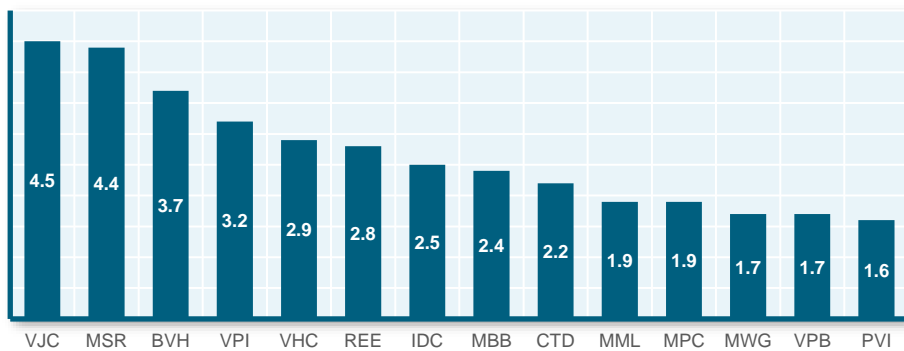
MWG - CTCP Đầu tư Thế giới Di động - Dự kiến phát hành hơn 19,2 triệu cổ phiếu phổ thông, chiếm 2,696% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Trong đó, hơn 1,39 triệu cổ phiếu phát hành dựa vào kết quả kinh doanh năm 2020 đợt 2 và hơn 17,8 triệu cổ phiếu phát hành dựa vào kết quả kinh doanh năm 2021. Giá chào bán là 10.000 đồng/CP.

GIL – CTCP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh - Gilimex dự kiến mua thêm 8 triệu cổ phần tại công ty con Đầu tư Mỹ Khang và 4,6 triệu cổ phiếu tại Bất động sản Hưng Khang.

Cả hai công ty con trên đều hoạt động trong lĩnh vực môi giới, đấu giá bất động sản và quyền sử dụng đất. Tổng giá trị đầu tư góp vốn vào hai đơn vị thành viên này dự kiến là 126 tỷ đồng. Thời gian thực hiện giao dịch trong năm 2022-2023.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	HOSE	36.9	35,730,400	14.1	1.9	-	44,600	164,038	17.01	2,621	19,187
VIB	HOSE	46.9	3,087,200	11.4	3.0	160,100	4,600	72,765	20.48	4,127	15,640
VCB	HOSE	85.3	2,078,700	14.4	2.8	982,500	1,047,800	403,684	23.65	5,907	29,974
VBB	UPCOM	17.3	37,237	16.4	1.4	-	-	8,264	-	1,058	12,017
VAB	UPCOM	14.8	1,716,081	10.0	1.0	-	-	7,991	0.01	1,477	14,341
TPB	HOSE	41.3	4,957,200	13.5	2.5	412,800	458,400	65,247	29.74	3,054	16,430
TCB	HOSE	50.5	15,534,300	9.8	1.9	-	-	177,301	22.47	5,138	26,505
STB	HOSE	32.9	30,479,000	18.2	1.8	1,013,200	1,295,500	62,024	18.81	1,810	18,174
SSB	HOSE	36.2	1,656,700	20.5	2.9	3,500	3,200	53,521	0.02	1,763	12,623
SHB	HOSE	21.7	12,071,800	11.6	1.6	189,500	408,500	57,871	3.32	1,868	13,375
SGB	UPCOM	18.3	103,730	-	1.5	-	-	5,636	0.02	398	12,042
PGB	UPCOM	34.0	238,034	38.7	2.4	-	-	10,200	15.00	878	13,940
OCB	HOSE	26.9	4,355,000	8.4	1.7	45,700	34,400	36,781	22.00	3,216	15,917
NVB	HNX	30.8	159,112	-	3.0	-	-	12,530	8.33	3	10,397
NAB	UPCOM	20.4	496,328	-	-	-	-	13,391	(3.29)	-	-
MSB	HOSE	26.7	8,537,100	10.1	1.9	9,000	-	40,784	30.00	2,641	14,427
MBB	HOSE	34.0	29,813,600	10.1	2.1	467,600	1,750,500	128,463	23.23	3,361	16,538
LPB	HOSE	22.8	14,777,300	9.6	1.6	19,600	26,700	28,240	5.00	2,387	13,960
KLB	UPCOM	27.0	204,438	12.8	2.1	-	-	9,760	0.01	2,109	12,810
HDB	HOSE	28.8	14,817,600	9.5	1.9	641,400	8,534,100	57,952	16.76	3,016	15,339
EIB	HOSE	33.6	1,010,400	43.0	2.3	11,700	14,500	41,309	29.68	781	14,395
CTG	HOSE	33.9	16,477,000	11.6	1.7	83,600	2,003,200	162,675	26.01	2,932	19,488
BVB	UPCOM	20.6	2,917,095	30.4	1.6	10,000	80,000	7,562	0.10	678	12,638
BID	HOSE	44.6	3,385,900	21.3	2.6	37,600	84,700	225,610	16.85	2,090	17,073
BAB	HNX	22.4	42,847	23.2	1.9	-	-	16,870	-	964	12,018
ACB	HOSE	34.5	8,892,700	9.7	2.1	-	-	93,082	30.00	3,554	16,618
ABB	UPCOM	16.7	3,115,059	7.5	1.0	5,600	300	15,714	14.22	2,238	16,828
			216,691,861	16.08	2.01	4,093,400	15,791,000	1,979,266		2,310	15,873



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SGD	HNX	4/3/2022	7/3/2022	21/03/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	BDB	HNX	28/02/2022	1/3/2022	15/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VIX	HOSE	24/02/2022	25/02/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
4	KKC	HNX	23/02/2022	24/02/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100000:10819	Thưởng cổ phiếu
5	TDB	UPCoM	23/02/2022	24/02/2022	17/03/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	DNC	HNX	21/02/2022	22/02/2022	28/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	USD	UPCoM	21/02/2022	22/02/2022	7/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 880 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SMB	HOSE	18/02/2022	21/02/2022	2/3/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	EID	HNX	11/2/2022	14/02/2022	10/3/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	CMG	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	BHN	HOSE	10/2/2022	11/2/2022	9/3/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,380 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	ABB	UPCoM	10/2/2022	11/2/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:35	Thưởng cổ phiếu
13	APH	HOSE	10/2/2022	11/2/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Thưởng cổ phiếu
14	NTH	HNX	9/2/2022	10/2/2022	25/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	DL1	HNX	9/2/2022	10/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	MRF	UPCoM	9/2/2022	10/2/2022	22/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	ITD	HOSE	8/2/2022	9/2/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
18	DPM	HOSE	27/01/2022	28/01/2022	16/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TRS	UPCoM	27/01/2022	28/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
20	TNH	HOSE	27/01/2022	28/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:25	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	AGG	HOSE	25/01/2022	26/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	AGG	HOSE	25/01/2022	26/01/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 4:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
23	DNH	UPCoM	25/01/2022	26/01/2022	25/02/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	HGC	UPCoM	21/01/2022	24/01/2022	11/2/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	HCD	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:17	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	KST	HNX	21/01/2022	24/01/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1	Thưởng cổ phiếu
27	VCP	UPCoM	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000000:1136365	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
28	SAM	HOSE	21/01/2022	24/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:439	Trả cổ tức bằng cổ phiếu



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931